

Bản án số: 80/2022/HSST
Ngày: 21/9/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Thanh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hòa;

Bà Lê Thị Thận

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 76/2022/HSST ngày 09 tháng 9 năm 2022. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 226/2022/QĐXXST – HS ngày 10 tháng 9 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Vũ Quang Đ, sinh năm 1998, tại tỉnh Bình Phước.

Chứng minh nhân dân số: 285701xxx Cấp ngày: 27/7/2016, Nơi cấp: Công an tỉnh Bình Phước.

Nơi cư trú: Thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Viết T và bà Vũ Thị T; tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày xx/6/2022 cho đến nay, (có mặt).

2. Trần Văn N, sinh năm 2000, tại tỉnh Bình Phước.

Chứng minh nhân dân số: 285757xxx Cấp ngày: 21/6/2016 Nơi cấp: Công an tỉnh Bình Phước.

Nơi cư trú: Thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N và bà Kiều Hoàng A; Tiền sự: Không

Tiền án: Ngày xx/02/2020, Trần Văn N bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương xử phạt 26 tháng tù về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt ngày xx/7/2021, nhưng chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/6/2022 cho đến nay, (có mặt).

- Bị hại: Nguyễn Văn M, sinh năm 1968, (có mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Vũ Thị N1, sinh năm 1965, (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

2. Phạm Thị Hồng L, sinh năm 1986 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

3. Lê Viết T1, sinh năm 1982 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

4. Trần Văn T2, sinh năm 1972 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

5. Trần Văn N2, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 07/4/2022, Vũ Quang Đ điều khiển xe mô tô loại Wave (không biển số) của Đ đi đến thôn A, xã T, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước để trộm cắp tài sản. Khi đến nơi, thấy nhà trong rẫy của ông Nguyễn Văn M ở xã Thống Nhất không có người trông coi. Đ đi vào nhà ông M dùng tay tháo lấy trộm 02 cánh cửa sổ bằng sắt, kích thước (1,2x0,5x0,03) m có gắn kính hoa văn, 01 cánh cửa sau nhà bằng sắt, kích thước (1,85x0,82x0,03) m có gắn kính phản quang, 01 cánh cửa nhà vệ sinh bằng nhôm, kích thước (1,74x0,76x0,03)m có gắn kính hoa văn mờ và 01 bình ắc quy màu trắng. Lấy xong, Đ chở 01 cánh cửa nhôm và 01 bình ắc quy đến tiệm mua phế liệu của bà Vũ Thị N1, bán được 220.000 đồng. Bán xong, Đ quay lại nhà ông M chở 02 cánh cửa sổ và 01 cửa sau mang đi bán cho 01 người mua phế liệu dạo (không xác định được nhân, lý lịch) tại thôn 10, xã Thống Nhất được 300.000 đồng.

Khoảng 09 giờ ngày 09/4/2022, Đ rủ Trần Văn N đến nhà ông M để lấy trộm cửa sắt thì N đồng ý. Rủ xong, N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 93L1-223.XX (là xe của ông Trần Văn N2, bố của N) chở Đ đến nhà ông M. Khi đến nơi, N đứng ở ngoài cánh giới, còn Đ vào trong nhà lấy trộm 04 cánh cửa sổ bằng sắt, kích thước (1,2x0,5x0,03) m có gắn kính hoa văn và 01 cánh cửa bên hông nhà bằng sắt, kích thước (2,33x0,93x0,03) m có kính phản quang. Lấy xong, N cùng Đ chở 05 cánh cửa đến tiệm mua phế liệu của bà Phạm Thị Hồng L, ở Thôn 5, xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng bán được 520.000 đồng. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, N tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 93L1-223.XX chở Đ đến nhà ông M. Khi đến nơi, Đ và N để xe trong sân nhà rồi cùng nhau tháo trộm 02 cánh cửa chính bằng sắt, kích thước (2,39x0,74x0,03) m có kính phản quang. Lấy xong, N điều khiển xe chở Đ ngồi sau ôm cửa đi đến tiệm mua phế liệu của ông Lê Viết T1, ở Thôn 12, xã Thống Nhất bán được 700.000 đồng. Số tiền bán tài sản trộm cắp được, N và Đ tiêu xài cá nhân.

Tại Kết luận định giá tài sản số 26/KL-ĐG ngày 16/5/2022 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Bù Đăng, xác định:

- Tài sản mà Đ trộm cắp tại nhà ông M vào ngày 07/4/2022, gồm:

+ 02 cánh cửa sổ bằng sắt kích thước (1,2x0,5x0,03) m, gắn kính hoa văn, có trị giá 1.020.000 đồng.

+ 01 cánh cửa sau nhà bằng sắt, kích thước (1,85x0,82x0,03) m, gắn kính phản quang, có trị giá 1.441.000 đồng.

+ 01 cánh cửa nhà vệ sinh bằng nhôm, kích thước (1,74x0,76x0,03) m, gắn kính hoa văn mờ, có trị giá 1.586.000 đồng.

+ 01 bình ắc quy màu trắng, có trị giá 1.000.000 đồng.

Tổng cộng là: 5.047.000 đồng.

- Tài sản mà Đ cùng N trộm cắp tại nhà ông M vào ngày 09/4/2022, gồm:

+ 04 cánh cửa sổ bằng sắt kích thước (1,2x0,5x0,03) m, gắn kính hoa văn, có trị giá 2.040.000 đồng.

+ 01 cánh cửa hông bằng sắt, kích thước (2,33x0,93x0,03) m, gắn kính phản quang, có trị giá 2.058.000 đồng.

+ 02 cánh cửa chính bằng sắt kích thước (2,39x0,74x0,03) m, gắn kính phản quang, có trị giá 3.360.000 đồng.

Tổng cộng là: 7.458.000 đồng.

- Về vật chứng vụ án:

+ 01 cánh cửa nhà vệ sinh bằng nhôm, 04 cánh cửa sổ bằng sắt, 01 cánh cửa bên hông nhà bằng sắt, 02 cánh cửa chính bằng sắt. Ngày 17/5/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bù Đăng đã ra Quyết định xử lý trả lại cho ông Nguyễn Văn M.

+ 02 cánh cửa sổ, 01 cửa sau và 01 bình ắc quy màu trắng. Không thu hồi được vì Đ bán cho người không rõ nhân thân và bị mất.

+ 01 xe mô tô loại Wave không biển số mà Đ sử dụng vào việc phạm tội (ngày 07/4/2022). Sau khi trộm cắp xong, Đ bán cho người không rõ nhân thân, nên không thu hồi được.

+ 01 xe mô tô biển kiểm soát 93L1-223.XX (là xe của ông N2, bố của N), N tự lấy đi chở Đ đến nhà ông M trộm cắp vào ngày 09/4/2022.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, nhận tiền bồi thường tổng cộng 21.000.000 đồng của gia đình Đ và N. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, ngoài ra không yêu cầu nào khác.

- Tại Cáo trạng số 76/CT – VKS.BĐ ngày 09/9/2022, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố các bị cáo Vũ Quang Đ và Trần Văn N về Tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát khẳng định nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố. Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Vũ Quang Đ và Trần Văn N phạm Tội trộm cắp tài sản.

Về hình phạt, áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1, Điều 52, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

- Đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Quang Đ từ 09 đến 12 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1, Điều 52, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn N từ 09 đến 12 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Hai bị cáo Vũ Quang Đ và Trần Văn N thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Người bị hại: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo

Lời nói sau cùng, hai bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Ngày 07/4/2022, Vũ Quang Đ lén lút trộm cắp 02 cánh cửa sổ bằng sắt, 01 cánh cửa sau nhà bằng sắt, 01 cánh cửa nhà vệ sinh bằng nhôm, 01 bình ắc quy màu trắng có tổng giá trị là 5.047.000 đồng của ông Nguyễn Văn M ở thôn A, xã T, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Ngày 09/4/2022, Vũ Quang Đ và Trần Văn N tiếp tục lén lút trộm cắp 04 cánh cửa sổ bằng sắt, 01 cánh cửa hông bằng sắt, 02 cánh cửa chính bằng sắt có tổng giá trị là 7.458.000 đồng của ông Nguyễn Văn M.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại về thời gian, địa điểm và hành vi phạm tội.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi của các bị cáo Vũ Quang Đ và Trần Văn N đã phạm Tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản.

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Như vậy, nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, do bản tính lười lao động muốn có tiền đề tiêu xài và sử dụng ma túy nên các bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác, đây là quyền về tài sản được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra, hành vi của bị cáo còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự trị an tại địa phương.

Xét toàn bộ vụ án, tính chất mức độ phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Hai bị cáo phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn. Mặc dù, có sự rủ rờ nhưng không có sự bàn bạc, phân công, phân nhiệm rõ ràng.

Trong đó bị cáo Vũ Quang Đ là người khởi xướng và cũng trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, sau đó tiếp tục rủ bị cáo Trần Văn N tham gia trộm cắp tài sản lần hai. Do đó, cần xử bị cáo một mức án nghiêm khắc để dẫn dắt giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Trần Văn N khi được bị cáo Đ rủ đi trộm cắp tài sản đã đồng ý và trực tiếp tham gia với vai trò giúp sức tích cực. Bản thân bị cáo có một tiền án về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo không lấy đó làm bài học mà còn tiếp tục phạm tội. Thể hiện bản tính coi thường pháp luật của bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Vũ Quang Đ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 02 lần. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo Trần Văn N có một tiền án về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy chưa được xóa án tích. Nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã T2 khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội đã tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả, người bị hại làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xét toàn bộ tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng. Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Đối với 01 cánh cửa nhà vệ sinh bằng nhôm, 04 cánh cửa sổ bằng sắt, 01 cánh cửa bên hông nhà bằng sắt, 02 cánh cửa chính bằng sắt. Ngày 17/5/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bù Đăng đã ra Quyết định xử lý trả lại cho ông Nguyễn Văn M là chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ 02 cánh cửa sổ, 01 cửa sau và 01 bình ắc quy màu trắng. Không thu hồi được vì Đ bán cho người không rõ nhân thân, lai lịch nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 xe mô tô loại Wave không biển số mà Đ sử dụng vào việc phạm tội (ngày 07/4/2022). Sau khi trộm cắp xong, Đ bán cho người không rõ nhân thân, nên không thu hồi được.

+ 01 xe mô tô biển kiểm soát 93L1-223.XX (là xe của ông N2, bố của N), N tự lấy đi chở Đ đến nhà ông M trộm cắp vào ngày 09/4/2022. Ông N2 không biết N lấy xe đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra không thu hồi. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, nhận tiền bồi thường tổng cộng 21.000.000 đồng của gia đình Đ và N. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, ngoài ra không yêu cầu nào khác.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét thấy bị cáo là người nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định. Do đó, cần miễn chấp hành hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đối với quan điểm xử lý vụ án của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố các bị cáo Vũ Quang Đ và Trần Văn N phạm Tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1, Điều 52, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

- Xử phạt bị cáo Vũ Quang Đ 09 tháng tù (chín tháng tù). Thời hạn tù được tính từ ngày 29/6/2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1, Điều 52, Điều 17, Điều 58, và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Văn N 09 tháng tù (chín tháng tù). Thời hạn tù được tính từ ngày 29/6/2022.

[2] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Vũ Quang Đ và Trần Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước.
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CQ CSĐT Công an h. BĐ;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Khắc Thanh